

PHỤ LỤC 3
HẠN MỨC, BIỂU PHÍ DỊCH VỤ INTERNET BANKING
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4619/QĐ-NHKL ngày 01/12/2023
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)*

A. HẠN MỨC, BIỂU PHÍ

(Đơn vị tính: VNĐ)

I	DỊCH VỤ INTERNET BANKING			
1	Khách hàng Cá Nhân			
1.1	Hạn mức giao dịch⁽¹⁾	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	
	- Gói KLB-SILVER	100.000.000	500.000.000	
	- Gói KLB-GOLD	200.000.000	1.000.000.000	
	- Gói KLB-PLATINUM	499.000.000	1.499.000.000	
	- Gói KLB-VIP	2.000.000.000	5.000.000.000	
	- Gói KLB-PREMIER	Đăng ký theo nhu cầu sử dụng của khách hàng ngay tại quầy (*)		
1.2	Hạn mức thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng KienlongBank			
	- Cửa Chủ Thẻ	Không giới hạn		
	- Cửa người khác	Áp dụng theo gói hạn mức dịch vụ Khách hàng đăng ký		
1.3	Phí dịch vụ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1.3.1	Phí duy trì dịch vụ	5.000/tháng		
1.3.2	Phí chuyển khoản			
a	Chuyển khoản trong hệ thống KienlongBank			
	- Người nhận có tài khoản tại			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	- Người nhận bằng CMND,CCCD			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
b	Chuyển khoản ngoài hệ thống KienlongBank			

	- Người nhận có tài khoản tại			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01%	5.000	500.000
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04%	10.000	1.000.000
	- Người nhận bằng CMND, CCCD			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01%	5.000đ	500.000
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04%	10.000đ	1.000.000
c	Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng			
	+ GD có giá trị từ 0 đến 500.000	0,4%		
	+ GD có giá trị từ 500.001	0,03%	5.000	
1.3.3	Phí thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng KienlongBank	Miễn phí		
1.3.4	Tắt/mở tính năng thanh toán trực tuyến của Thẻ	Miễn phí		
1.3.5	Khóa/mở Thẻ	Miễn phí		
2	Khách hàng Tổ chức			
2.1	Hạn mức giao dịch⁽¹⁾	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	
	- Gói SIMPLE	0	0	
	- Gói KLB-SILVER	100.000.000	500.000.000	
	- Gói KLB-GOLD	200.000.000	1.000.000.000	
	- Gói KLB-PLATINUM	499.000.000	1.499.000.000	
	- Gói KLB-VIP	2.000.000.000	5.000.000.000	
	- Gói KLB-PREMIER	Đăng ký theo nhu cầu sử dụng của khách hàng ngay tại quầy (*)		
2.2	Phí dịch vụ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
2.2.1	Phí duy trì dịch vụ	10.000/tháng	Nếu Khách hàng sử dụng nhiều hơn 01 dịch vụ trong số các dịch vụ Ngân hàng điện tử thì KienlongBank chỉ thu Phí duy trì của 1 dịch vụ có mức phí cao nhất và miễn phí các dịch vụ còn lại.	
2.2.2	Phí chuyển khoản			
a	Chuyển khoản trong hệ thống KienlongBank			

	- Người nhận có tài khoản tại			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	- Người nhận bằng CMND,CCCD			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
b	Chuyển khoản ngoài hệ thống KienlongBank			
	- Người nhận có tài khoản tại			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01%	10.000	500.000
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04%	20.000	1.000.000
	- Người nhận bằng CMND, CCCD			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01%	10.000	500.000
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04%	20.000	1.000.000
c	Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng			
	+ GD có giá trị từ 0 đến 500.000	0,4%		
	+ GD có giá trị từ 500.001	0,03%	5.000	
3	PHÍ DỊCH VỤ CHUNG	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.1	Phí đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
3.2	Phí tra soát khiếu nại			
	- Lỗi không thuộc về khách hàng	Miễn phí		
	- Lỗi thuộc về khách hàng			
	+ Giao dịch trong hệ thống KienlongBank	20.000/lần		
	+ Giao dịch ngoài hệ thống KienlongBank	20.000/lần + Phí NH khác		
3.3	Phí xử lý yêu cầu (mở khóa/ cấp lại mật khẩu/thay đổi số điện thoại, hủy dịch vụ,...)	Miễn phí		
3.4	Phí truy vấn thông tin giao dịch	Miễn phí		
3.5	Phí sao kê tài khoản	Miễn phí		
3.6	Phí sử dụng dịch vụ xác thực			
	- Phí nhận mã OTP SMS	Miễn phí		

	- Phí cấp ID - phần mềm OTP eToken	Miễn phí		
	- Phí cấp thiết bị OTP Hard Token	200.000/thiết bị		
3.7	Phí thanh toán hóa đơn (Billing)	Miễn phí		
3.8	Phí nạp tiền (Topup)	Miễn phí		
3.9	Phí mua mã thẻ	Miễn phí		
4	Chiết khấu đối với dịch vụ nạp tiền, mua mã thẻ và thanh toán hóa đơn			
4.1	Nạp tiền (Topup)	Theo quy định hiện hành của KienlongBank.		
4.2	Mua mã thẻ	Theo quy định hiện hành của KienlongBank.		
4.3	Thanh toán hóa đơn (Billing)	Theo quy định hiện hành của KienlongBank.		

Lưu ý: (*)

- Đăng ký gói KLB-PREMIER: Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức sẽ đăng ký tại quầy kèm hồ sơ đăng ký theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ, GDV/KSV thực hiện đăng ký nhu cầu Khách hàng trên hệ thống CMS và gửi yêu cầu duyệt về cho đơn vị được phân công duyệt yêu cầu này theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ;

- Đồng thời, việc nâng hạn mức giao dịch sẽ căn cứ theo tiến độ nâng cấp của hệ thống Ngân hàng điện tử để đảm bảo kiểm soát rủi ro Phòng chống rửa tiền và các quy định khác liên quan để kiểm soát rủi ro giao dịch đáng ngờ.

B. NGUYÊN TẮC THU PHÍ

- Biểu phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Việc thu thuế VAT sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
 - Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy giao dịch.
 - Các phí khác liên quan không được quy định sẽ được áp dụng theo biểu phí hiện hành của KienlongBank.
 - KienlongBank sẽ chiết khấu cho Khách hàng theo mức chiết khấu mà nhà cung cấp (NCC) dịch vụ chiết khấu cho KienlongBank. Mức chiết khấu có thể thay đổi khi có sự thay đổi mức chiết khấu theo thông báo của NCC hoặc theo chính sách của KienlongBank từng thời kỳ.
 - Danh sách các Ngân hàng liên kết với KienlongBank trong dịch vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử sẽ được KienlongBank công bố trong từng thời kỳ.
 - Biểu phí này có thể thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của KienlongBank trong từng thời kỳ.
- (1): Hạn mức dịch vụ theo gói là hạn mức chung của tất cả các giao dịch thuộc sản phẩm dịch vụ được cung cấp. Trong trường hợp có quy định cụ thể hạn mức của từng loại giao dịch cao hơn/thấp hơn hạn mức chung của tất cả các giao dịch thì hệ thống sẽ áp dụng theo quy định cụ thể hạn mức của từng giao dịch.